

Bản án số: 59/2023/HS-ST

Ngày: 25/05/2023

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Lê Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Đạt;

2. Bà Hồ Thị Lệ Thu;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Hoàng Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 và 25 tháng 05 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 68/2023/HSST ngày 06/04/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2023/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 04 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Hữu T, tên gọi khác: B, sinh năm 1972 tại Đ; giới tính: nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 25/15 đường S, phường K, quận T, Thành phố H; nơi cư trú: 4/60A đường ĐHT6, Tổ 05, Khu phố 1, phường T, Quận 12, Thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 09/12; con ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị Ngọc H; bị cáo có và vợ 03 con (lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2011); tiền án, tiền sự: không - Có mặt.

Bị hại: Ông Trần Quốc T1, sinh năm: 1983; địa chỉ thường trú: 135B Đường 2/9, Phường 1, Thành phố V, tỉnh L; địa chỉ tạm trú: Căn hộ 20-01 M5 Chung cư Midtown, phường P, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Hoàng Văn T2, sinh năm: 1974; địa chỉ thường trú: 104C X, Phường 14, Quận 4, Thành phố H; địa chỉ liên lạc: 750/9 đường Đ, Phường 16, Quận 4, Thành phố H – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hữu T (tên gọi khác: B) là tài xế xe taxi Vinasun, lái xe ô tô 4 chỗ hiệu Toyota Vios màu trắng, biển số: 51G – 637.85. Vào lúc 06 giờ 40 phút ngày 30/12/2022, T đón khách là ông Trần Quốc T1 và ông Nguyễn Việt D, tại trước địa chỉ số 76 P, phường B, Quận 1, Thành phố H để đưa về nhà. Trên đường, T đưa ông D về nhà địa chỉ 25 T, phường L, Quận 1, rồi tiếp tục đưa ông T1 về địa chỉ Lô M5 Chung cư M, phường P, Quận 7. T thấy ông T1 say rượu đang ngủ trên xe, điện thoại hiệu Iphone 13 Promax, màu xanh dương của ông T1 thì rơi xuống sàn xe taxi, nên T nảy sinh ý định trộm cắp. Khi xe đi đến trước nhà số 75 Đường số 16, phường P, Quận 7, Thành phố H, T dừng xe lại, chồm người quay về sau lấy điện thoại Iphone 13 Promax của ông T1 rồi cất giấu vào hộc cánh cửa xe cạnh T ngồi. Sau đó, T tiếp tục chở ông T1 về nhà. Về đến Chung cư M, phường P, Quận 7, T gọi ông T1 và nói “đến rồi, dậy đi” và yêu cầu ông T1 thanh toán tiền taxi. Ông T1 kiểm tra điện thoại nhưng không thấy, yêu cầu T kiểm tra lại trên xe taxi xem có rơi trong xe không. T giả vờ kiểm tra tìm điện thoại và nói không tìm thấy. Lúc này, ông T1 yêu cầu T quay lại quán nhậu địa chỉ 76 P, phường B, Quận 1 để tìm điện thoại, nhưng vẫn không tìm được.

Sau khi lấy trộm được điện thoại, khoảng 10 giờ 00 phút ngày 31/12/2022, T rủ Hoàng Văn T2, uống cà phê, tại địa chỉ 108 đường S, phường T, Quận 12. Trong lúc uống cà phê, T nói mới lượm điện thoại Iphone 13 Promax muốn bán với giá 7.000.000 đồng. Ông T2 đồng ý mua và chuyển khoản cho T 02 lần, lần một là 5.000.000 đồng, lần hai là 1.200.000 đồng, số tiền còn lại ông T2 hẹn khi có tiền sẽ trả đủ. Sau khi mua điện thoại, đến khoảng 15 giờ 00 ngày 31/12/2022, ông T2 đưa cho người bạn tên T3 (không rõ nhân thân lai lịch, qua số điện thoại 0938.388.321) nhờ sửa dùm. Sau đó, T3 báo cho ông T2 điện thoại không sửa được và nói ông T2 bán cho T3 với giá 9.500.000, T2 đồng ý bán, T3 chuyển khoản số tiền 9.500.000 đồng cho ông T2.

Mất điện thoại, ông T1 đến Công an phường Tân Phú trình báo. Đến ngày 04/01/2023, T đến Công an phường Tân Phú, Quận 7, đầu thú và giao nộp điện thoại Iphone 13 Promax. Trước đó, T đã trả lại số tiền 7.000.000 đồng cho ông T2, ông T2 lấy điện thoại hiệu Iphone 13 Promax, đã bán cho T3 đưa lại cho T, ông T2 đã trả lại tiền cho T3 9.500.000 đồng.

Tại Cơ quan Công an, Nguyễn Hữu T (tên gọi khác: B) đã thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản trên của mình, giao nộp lại tài sản đã trộm cắp.

Kết luận định giá tài sản số: 06/KL-HĐĐGTTTHS ngày 10/01/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của UBND Quận 7, kết luận 01 (một) điện thoại hiệu Iphone 13 Promax 1024GB, có giá trị là 25.730.000 đồng (Hai mươi lăm triệu, bảy trăm ba mươi nghìn đồng).

Vật chứng vụ án:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax, màu xanh dương, do T giao nộp. Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả cho người bị hại ông Trần Quốc T1 theo Quyết định xử lý vật chứng ngày 07/03/2023 và Biên bản trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 07/02/2023.

Về dân sự: Ông Trần Quốc T1 đã nhận lại điện thoại Iphone 13 Promax 1024GB màu xanh dương và không có yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội.

Tại Bản cáo trạng số: 65/CT-VKSQ7 ngày 05/4/2023, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 đã truy tố bị cáo Nguyễn Hữu T (tên gọi khác: B) về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T (tên gọi khác: B) từ 06 (sáu) tháng đến 01 (một) năm tù.

Về dân sự: Ông Trần Quốc T1 đã nhận lại điện thoại Iphone 13 Promax 1024GB màu xanh dương và không có yêu cầu gì thêm.

Xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử lý theo quy định của pháp luật.

Bị cáo khai nhận hành vi trộm cắp tài sản phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã được tóm tắt như trên, không tự bào chữa, không tranh luận và đã thể hiện sự ăn năn hối cải, đề nghị được giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 7, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các đương sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan cảnh sát điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Vào lúc 06 giờ 40 phút ngày 30/12/2022, Nguyễn Hữu T (tên gọi khác: B) là tài xế xe taxi Vinasun đón khách là ông Trần Quốc Tường và ông Nguyễn Việt Duy, tại trước địa chỉ số 76 P, phường B, Quận 1, Thành phố H để đưa về nhà. Khi đưa ông T1 về địa chỉ Lô M5 Chung cư M, phường P, Quận 7, T thấy ông T1 say rượu đang ngủ trên xe, điện thoại hiệu Iphone 13 Promax, màu xanh dương của ông T1 thì rơi xuống sàn xe taxi nên đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản 01 điện thoại hiệu Iphone 13 Promax 1024GB của ông Trần Quốc T1, có giá trị 25.730.000 đồng.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐGTTTHS ngày 10/01/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của UBND Quận 7, kết luận 01 điện thoại hiệu Iphone 13 Promax 1024GB, có giá trị là 25.730.000 đồng (Hai mươi lăm triệu, bảy trăm ba mươi nghìn đồng).

Do vậy hành vi này của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 như Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Bị cáo phạm tội do tham lam tư lợi. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an xã hội. Bị cáo vẫn còn sức khỏe, khả năng lao động và nhận thức rõ hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật. Do đó cần phải có mức án tương xứng thì mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét đến hành vi phạm tội, tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hoàn cảnh và nhân thân của bị cáo để quyết định mức hình phạt phù hợp.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đầu thú và tự nguyện giao nộp lại tài sản đã chiếm đoạt cho người bị hại; ngoài ra bị cáo còn là lao động chính trong gia đình hiện nay đang phải nuôi 03 con còn nhỏ (lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2011) nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, nên không cần thiết phải cách ly khỏi đời sống xã hội mà cho cải tạo tại địa phương cũng

đủ giáo dục bị cáo thành công dân có ích, nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 2 Nghị Quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo hưởng án treo với thời gian thử thách nhất định cũng đủ tác dụng răn đe đối với bị cáo, phòng ngừa chung trong xã hội và đáp ứng được yêu cầu phòng chống tội phạm tại địa phương.

[4] Đối với ông Hoàng Văn T2 khi mua điện thoại Iphone 13 Promax 1024Gb của bị cáo T, không biết tài sản do phạm tội mà có. Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý là có căn cứ.

Người thanh niên tên T3 (không rõ nhân thân lai lịch) mua điện thoại của ông T2 không biết tài sản ông T2 mua của T do phạm tội mà có, T3 đã trả điện thoại cho T2 và T2 cũng đã trả tiền lại cho T3. Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý là có căn cứ.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Ông Trần Quốc T1 đã nhận lại điện thoại Iphone 13 Promax 1024GB màu xanh dương và không có yêu cầu gì thêm. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn T2 đã nhận lại được tiền từ bị cáo T, không có yêu cầu gì trong vụ án. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Xử lý vật chứng:

01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax, màu xanh dương do T giao nộp. Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả cho người bị hại ông Trần Quốc Tường là có căn cứ.

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Hữu T (tên gọi khác: B) phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu T (tên gọi khác: B) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu T (tên gọi khác: B) 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách 02 (hai) năm, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Hữu T (tên gọi khác: B) cho Ủy ban nhân dân phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Bị cáo Nguyễn Hữu T (tên gọi khác: B) phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo Luật thi hành án hình sự. Trường hợp bị cáo Nguyễn Hữu T (tên gọi khác: B) thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Nguyễn Hữu T (tên gọi khác: B) có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Nguyễn Hữu T (tên gọi khác: B) phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Căn cứ vào các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật Phí và lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

3. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

[Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo Nguyễn Hữu T (tên gọi khác: B)].

Nơi nhận:

- TAND Tp. HCM;
- Sở Tư pháp Tp. HCM;
- VKSND Quận 7;
- Công an Quận 7;
- Chi cục THADS Q.7;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu: sổ án, VT, HS (Tk. Văn Anh)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Lê Anh